

Số 501/QĐ-BVUB

Cần Thơ, ngày 17 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giá thu danh mục dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ giai đoạn 2025-2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỚU THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 19/2022/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ Y tế hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư 21/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế về quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-BVUB ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ về việc ban hành giá thu danh mục dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ giai đoạn 2025-2026;

Căn cứ Đề án 04/ĐA-BVUB ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ về đề án khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ giai đoạn 2025-2026;

Căn cứ đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giá thu danh mục giá thu dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ giai đoạn 2025-2026 (Đính kèm bảng giá danh mục dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu).

Điều 2. Giao phòng Tài chính kế toán chịu trách nhiệm thực hiện thu theo danh mục giá thu dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ giai đoạn 2025-2026.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 24/11/2025

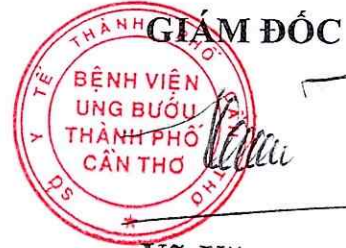


Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 482/QĐ-BVUB ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ.

Điều 5. Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng khoa, phòng có liên quan thuộc Bệnh viện Ung bướu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *sele*

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, TCCB.



Võ Văn Kha





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GIÁ DANH MỤC DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THEO YÊU CẦU GIAI ĐOẠN 2025-2026

(Đính kèm Quyết định số 501/QĐ-BVUB ngày 17 tháng 11 năm 2025)

(Áp dụng cho người bệnh điều trị tại Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ)

STT	TÊN DỊCH VỤ KỸ THUẬT	ĐVT	Giá dịch vụ theo yêu cầu	Ghi chú
I	KHÁM BỆNH			
1	Khám bệnh Ung bướu	đồng/lượt		
2	Khám tư vấn chuyên khoa ung thư có yêu cầu bác sỹ	đồng/lượt	300.000	
II	NGÀY GIƯỜNG ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ			
1	Ngày giường bệnh theo yêu cầu: 01 giường (Loại phòng bệnh 2 giường)	đồng/ngày	1.200.000	
2	Ngày giường bệnh theo yêu cầu: 01 giường (Loại phòng bệnh 3 giường)	đồng/ngày	1.000.000	
3	Ngày giường bệnh theo yêu cầu: 01 giường (Loại phòng bệnh 4 giường)	đồng/ngày	800.000	
III	CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH			
1	Siêu âm tuyến giáp	đồng/lượt	150.000	
2	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	đồng/lượt	150.000	
3	Siêu âm ổ bụng (gan, mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	đồng/lượt	150.000	
4	Siêu âm tuyến vú hai bên	đồng/lượt	150.000	
5	Siêu âm Doppler tuyến vú	đồng/lượt	200.000	
6	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	đồng/lượt	200.000	
7	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	đồng/lượt	200.000	
8	Siêu âm Doppler tim, van tim	đồng/lượt	350.000	
9	Chụp X-quang ngực thẳng	đồng/lượt	140.000	
10	Chụp X-quang tuyến vú	đồng/lượt	150.000	
11	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	900.000	
12	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	900.000	
13	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	900.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ KỸ THUẬT	ĐVT	Giá dịch vụ theo yêu cầu	Ghi chú
14	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	đồng/lượt	900.000	
15	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
16	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	đồng/lượt	900.000	
17	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	đồng/lượt	900.000	
18	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
19	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
20	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	đồng/lượt	900.000	
21	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	900.000	
22	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	900.000	
23	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
24	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
25	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
26	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
27	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
28	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
29	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 1- 32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
30	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 1- 32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
31	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang

STT	TÊN DỊCH VỤ KỸ THUẬT	ĐVT	Giá dịch vụ theo yêu cầu	Ghi chú
32	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
33	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
34	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
35	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
36	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
37	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
38	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	900.000	
39	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	900.000	
40	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	900.000	
41	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
42	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	900.000	
43	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	900.000	
44	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	
45	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
46	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	900.000	
47	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	900.000	
48	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	900.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ KỸ THUẬT	ĐVT	Giá dịch vụ theo yêu cầu	Ghi chú
49	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
50	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
51	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
52	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
53	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
54	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
55	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
56	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
57	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
58	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
59	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
60	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
61	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
62	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	2.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
63	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân (từ 64-128 dãy)	đồng/lượt	4.000.000	Chưa bao gồm thuốc cản quang
IV	NỘI SOI - THĂM ĐO CHỨC NĂNG			
1	Điện tim thường	đồng/lượt	100.000	
2	Nội soi tai mũi họng	đồng/lượt	250.000	
3	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết	đồng/lượt	1.100.000	
4	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê	đồng/lượt	2.500.000	
5	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết	đồng/lượt	1.000.000	
6	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	đồng/lượt	800.000	
7	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết	đồng/lượt	1.000.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ KỸ THUẬT	ĐVT	Giá dịch vụ theo yêu cầu	Ghi chú
8	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết	đồng/lượt	800.000	
9	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết	đồng/lượt	800.000	
10	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	đồng/lượt	800.000	
11	Soi cổ tử cung	đồng/lượt	150.000	
V	XÉT NGHIỆM			
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	đồng/lượt	100.000	
2	Định lượng Glucose [Máu]	đồng/lượt	50.000	
3	Định lượng Creatinin (máu)	đồng/lượt	50.000	
4	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	đồng/lượt	60.000	
5	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	đồng/lượt	50.000	
6	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	đồng/lượt	50.000	
7	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	đồng/lượt	150.000	
8	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]	đồng/lượt	100.000	
9	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	đồng/lượt	100.000	
10	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ, Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	đồng/lượt	100.000	
11	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	đồng/lượt	100.000	
12	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	đồng/lượt	150.000	
13	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	đồng/lượt	400.000	
14	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	đồng/lượt	80.000	
15	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	đồng/lượt	150.000	
16	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống nghiệm)	đồng/lượt	60.000	
17	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	đồng/lượt	60.000	
18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	đồng/lượt	250.000	
19	Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin) [Máu]	đồng/lượt	400.000	
20	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]	đồng/lượt	250.000	
21	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]	đồng/lượt	250.000	
22	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]	đồng/lượt	250.000	
23	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	đồng/lượt	40.000	
24	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	đồng/lượt	250.000	
25	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	đồng/lượt	50.000	
26	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	đồng/lượt	50.000	



10/10/2023

STT	TÊN DỊCH VỤ KỸ THUẬT	ĐVT	Giá dịch vụ theo yêu cầu	Ghi chú
27	Định lượng Acid Uric [Máu]	đồng/lượt	50.000	
28	Định lượng Albumin [Máu]	đồng/lượt	50.000	
29	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	đồng/lượt	50.000	
30	Định lượng Urê máu [Máu]	đồng/lượt	50.000	
31	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	đồng/lượt	50.000	
32	Định lượng HbA1c [Máu]	đồng/lượt	150.000	
33	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [Máu]	đồng/lượt	50.000	
34	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]	đồng/lượt	200.000	
35	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu]	đồng/lượt	200.000	
36	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]	đồng/lượt	300.000	
37	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	đồng/lượt	70.000	
38	HIV Ab test nhanh	đồng/lượt	100.000	
39	HIV Ab miễn dịch tự động	đồng/lượt	150.000	
40	HCV Ab test nhanh	đồng/lượt	100.000	
41	HCV Ab miễn dịch tự động	đồng/lượt	200.000	
42	HBsAg test nhanh	đồng/lượt	100.000	
43	HBsAg miễn dịch tự động	đồng/lượt	150.000	
44	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	đồng/lượt	150.000	
45	Nhuộm phiên đồ tế bào theo Papanicolaou	đồng/lượt	550.000	
46	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep	đồng/lượt	700.000	
VI	Y HỌC HẠT NHÂN			
1	Xạ hình chức năng thận với ^{99m}Tc -DTPA	đồng/lượt	1.500.000	Bao gồm thuốc (không thanh BHYT tiền thuốc)
2	Xạ hình tuyến giáp với ^{99m}Tc Pertechnetate	đồng/lượt	1.500.000	Bao gồm thuốc (không thanh BHYT tiền thuốc)
3	Xạ hình xương với ^{99m}Tc - MDP	đồng/lượt	1.500.000	Bao gồm thuốc (không thanh BHYT tiền thuốc)
4	Điều trị basedow bằng ^{131}I	đồng/lượt	2.000.000	Bao gồm thuốc (không thanh BHYT tiền thuốc)
5	Xạ hình chức năng thận với ^{99m}Tc -DTPA	đồng/lượt	1.000.000	Chưa bao gồm thuốc
6	Xạ hình tuyến giáp với ^{99m}Tc Pertechnetate	đồng/lượt	1.000.000	Chưa bao gồm thuốc
7	Xạ hình xương với ^{99m}Tc - MDP	đồng/lượt	1.000.000	Chưa bao gồm thuốc
8	Điều trị basedow bằng ^{131}I	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc
9	Điều trị ung thư tuyến giáp bằng ^{131}I	đồng/lượt	1.500.000	Chưa bao gồm thuốc
VII	THU THUẬT			
1	Truyền hoá chất tĩnh mạch [nội trú]	đồng/lượt	700.000	
2	Truyền hoá chất tĩnh mạch [ngoại trú]	đồng/lượt	800.000	
3	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm	đồng/lượt	1.500.000	
4	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	đồng/lượt	1.500.000	

STT	TÊN DỊCH VỤ KỸ THUẬT	ĐVT	Giá dịch vụ theo yêu cầu	Ghi chú
5	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	đồng/lượt	500.000	
6	Đốt sóng cao tần điều trị các u tạng dưới hướng dẫn siêu âm	đồng/lượt	8.000.000	
7	Cắt chỉ sau phẫu thuật	đồng/lượt	100.000	
8	Đặt buồng tiêm truyền dưới da	đồng/lượt	4.000.000	
9	Thay Băng	đồng/lượt	150.000	
10	Thay băng (có bơm rửa buồng tiêm)	đồng/lượt	200.000	
VIII	PHẪU THUẬT			
1	Cắt ung thư da vùng hàm mặt và tạo hình bằng vật tại chỗ	đồng/lượt	14.000.000	Gây mê
2	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	đồng/lượt	4.000.000	
3	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	đồng/lượt	5.000.000	
4	Cắt u vú lành tính	đồng/lượt	6.000.000	
5	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	đồng/lượt	8.000.000	
6	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	đồng/lượt	6.000.000	
7	Phẫu thuật cắt thùy nông tuyến mang tai-bảo tồn dây VII	đồng/lượt	11.500.000	Bao gồm dao
8	Cắt u tuyến nước bọt mang tai	đồng/lượt	12.000.000	Bao gồm dao
9	Cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	đồng/lượt	12.000.000	Bao gồm dao
10	Cắt 1 thùy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	đồng/lượt	12.000.000	Bao gồm dao
11	Phẫu thuật cắt tuyến giáp gần hoàn phần	đồng/lượt	12.000.000	Bao gồm dao
12	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	đồng/lượt	12.000.000	Bao gồm dao
13	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	đồng/lượt	15.000.000	Bao gồm dao
14	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	đồng/lượt	20.000.000	Bao gồm dao
15	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú cải biên (Patey) do ung thư vú	đồng/lượt	15.000.000	Bao gồm dao
16	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay	đồng/lượt	21.000.000	Không bao gồm dao
17	Cắt u nang buồng trứng	đồng/lượt	12.000.000	Bao gồm dao
18	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	đồng/lượt	12.000.000	Bao gồm dao
19	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
20	Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
21	Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
22	Cắt 1 thùy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
23	Cắt 1 thùy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
24	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong basedow	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
25	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong basedow	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
26	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao

STT	TÊN DỊCH VỤ KỸ THUẬT	ĐVT	Giá dịch vụ theo yêu cầu	Ghi chú
27	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
28	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
29	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
30	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
31	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
32	Cắt đoạn đại tràng nối ngay	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
33	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại trực tràng thấp	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
34	Cắt cụt trực tràng đường bụng, tăng sinh môn	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
35	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông+ nạo vét hạch	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
36	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang + nạo vét hạch	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
37	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải + nạo vét hạch	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
38	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái+ nạo vét hạch	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
39	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng+ nạo vét hạch	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
40	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp+ nạo vét hạch	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
41	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngã bụng và tăng sinh môn + nạo vét hạch	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
42	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da lân cận	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
43	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
44	Phẫu thuật thu nhỏ vú phì đại	đồng/lượt	7.000.000	
45	Phẫu thuật cắt u thành ngực	đồng/lượt	6.000.000	
46	Phẫu thuật bảo tồn, vét hạch nách trong ung thư- tuyến vú	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
47	Khoét chóp cổ tử cung	đồng/lượt	4.000.000	
48	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	đồng/lượt	6.000.000	
49	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philloid	đồng/lượt	6.000.000	
50	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
51	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
52	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu	đồng/lượt	20.500.000	Bao gồm dao
53	Sinh thiết hạch gác cửa trong ung thư vú	đồng/lượt	6.000.000	
54	Cắt các u ác tuyến dưới hàm	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
55	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
56	Cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	đồng/lượt	16.500.000	Bao gồm dao
57	Cắt u lợi đường kính 2 cm trở lên	đồng/lượt	4.000.000	
58	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2 cm	đồng/lượt	3.000.000	
59	Cắt các u nang giáp móng	đồng/lượt	12.000.000	Bao gồm dao
60	Cắt các u lành vùng cổ	đồng/lượt	6.000.000	
61	Cắt u lưỡi lành tính	đồng/lượt	6.000.000	



Handwritten signature/initials.